TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/DS-ST.

Ngày: 23-10-2020

V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Phúc và ông Bùi Ngọc Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thới Sương – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên toà:* Bà My La - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng vay, mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1976

Nơi cư trú: thôn G, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Bị đơn:

Ông Phan Văn Q, sinh năm 1962; bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968 và anh Phan Trọng H, sinh năm 1987

Nơi cư trú: xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ khác: ấp C, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Đều vắng mặt (Bà T và anh H có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 08 năm 2020, trong quá trình xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn của ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Vào ngày 13-3-2017 ông Phan Văn Q có vay của ông T số tiền 5.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả, có ghi giấy viết tay, ông Phan Văn Q có ký và ghi họ tên "Phan Văn Q" vào giấy mượn tiền.

Đến ngày 03-5-2017 ông Phan Văn Q có vay của ông T số tiền 30.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả, có ghi giấy viết tay, ông Phan Văn Q có ký và ghi họ tên "Phan Văn Q" vào giấy mượn tiền, mục đích vay để ông Q đáo hạn ngân hàng.

Ngày 08-7-2017 ông Phan Văn Q có bán cho ông T 800 kg cà phê nhân, ông Q đã nhận đủ tiền bán cà phê, thời hạn giao cà phê cuối mùa năm 2017, đến nay ông Q chưa giao cà phê cho ông.

Đến ngày 12-7-2017 ông Q tiếp tục bán cho ông Tâm 250 kg cà phê nhân, ông Q đã nhận đủ tiền bán cà phê, không thỏa thuận thời hạn giao cà phê, đến nay ông Q chưa giao cà phê cho ông T.

Đến ngày 09-9-2017 ông T bán cho ông Phan Văn Q 22 bao phân N.P.K với giá 510.000 đồng/ bao, thành tiền 11.220.000 đồng và ông Q mượn của ông tiền mặt 1.000.000 đồng. Tổng cộng 12.220.000 đồng.

Đến ngày 30-12-2017 ông Q tiếp tục vay của ông T 5.000.000 đồng.

Tổng cộng ông Q có vay và mua bán của ông T số tiền gốc 52.220.000 đồng và 1.050 kg cà phê nhân khô.

Nay yêu cầu ông Phan Văn Q, bà Nguyễn Thị T và anh Phan Trọng H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền vay gốc 52.220.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi và 1.050 kg cà phê nhân khô, theo phần của ông Q, bà T và anh H mỗi người là 17.406.666 đồng và 350 kg cà phê nhân khô, loại Robusta, độ ẩm 15%, tạp chất 1.5%. Giá cà phê để tính án phí xác định theo giá thị trường thời điểm hiện nay 32.000.000 đồng/kg. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh: Giấy viết tay ngày 13-3-2017; Giấy viết tay ngày 03-5-2017; Giấy viết tay ngày 08-7-2017; Giấy viết tay ngày 25-3-2018.

Tại phiên tòa ông Phan Văn Q, bà Nguyễn Thị T và anh Phan Trọng H đều vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, thông báo nhiều lần nhưng ông Phan Văn Q vắng mặt, nên Tòa án không lấy được lời khai của Q. Theo biên bản ghi lời khai ngày 11-9-2020 và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 11-9-2020 của bà T và anh H đồng ý trả cho ông T số tiền vay gốc 52.220.000 đồng và 1.050 kg cà phê nhân khô, theo phần của ông Q, bà T và anh H mỗi người là 17.406.666 đồng và 350 kg cà phê nhân khô, loại Robusta, độ ẩm 15%, tạp chất

1.5%. Giá cà phê để tính án phí xác định theo giá thị trường thời điểm hiện nay 32.000.000 đồng/kg.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Đại điện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 430, Điều 436, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phan Văn Q, bà Nguyễn Thị T và anh Phan Trọng H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền vay gốc 52.220.000 đồng và 1.050 kg cà phê nhân khô, theo phần của ông Q, bà T và anh H mỗi người là 17.406.666 đồng và 350 kg cà phê nhân khô, loại Robusta, độ ẩm 15%, tạp chất 1.5% và chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phan Văn Q vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố; Bà Nguyễn Thị T và anh Phan Trọng H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Q, bà T và anh H. Ông Nguyễn Thanh T có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay, mua bán tài sản đối với ông Q, bà T và anh H. Ông Q, bà T và anh H đều có cư trú tại huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Do đó, căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 điểm, b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Di Linh.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Thanh T cho rằng ông Phan Văn Q, bà Nguyễn Thị T và anh Phan Văn H vay của ông T số tiền 52.220.000 đồng và 1.050 kg cà phê nhân khô, việc vay tiền có làm giấy viết tay ngày 13-3-2017, ông Phan Văn Q có ký và ghi họ tên "Phan Văn Q" dưới mục "Người mượn" đối với số tiền 5.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn trả và tiền lãi. Ngày 03-5-2017 ông Phan Văn Q có ký và ghi họ tên "Phan Văn Q" dưới mục "Người mượn" đối với số tiền 30.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn trả và tiền lãi. Ngày 08-7-2017 ông Phan Văn Q có ký và ghi họ tên "Phan Văn Q" bán cho ông T số cà phê 800 kg, thỏa thuận thời hạn trả cuối mùa năm 2017. Ngày 12-7-2017 ông Phan Văn Q có ký và ghi họ tên "Phan Văn Q" ứng của ông T 250 kg cà phê. Ngày 30-12-2017 ông Phan Văn Q ứng của ông T 5.000.000 đồng, có ký xác nhận. Ngày 25-3-2018 bà T và anh H ký và ghi họ tên xác nhận còn nợ ông T 52.220.000 đồng, lãi suất 1%, thời hạn trả cuối năm 2018. Ngày 25-3-2018 bà T và anh H xác nhận còn nợ ông T 1.050 kg cà phê nhân, thời hạn trả ngày 31-12-2019. Ông đòi nhiều lần nhưng ông Q, bà T và anh H không trả, nên khởi kiện yêu cầu ông Q, bà T và anh H cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền và cà phê còn nợ trên. Vì vậy, xác định

quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng mua bán tài sản" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ông Q, bà T và anh H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho T số tiền vay gốc còn nợ 52.220.000 đồng và 1.050 kg cà phê nhân khô, theo phần của ông Q, bà T và anh H mỗi người là 17.406.666 đồng và 350 kg cà phê nhân khô, loại Robusta, độ ẩm 15%, tạp chất 1.5%. Việc vay mượn ông Q, bà T và anh H đều có ký xác nhận nợ vào các giấy viết tay. Số tiền vay phục vụ sản xuất của gia đình.

Từ những phân tích nêu trên ông T khởi kiện ông Q, bà T và anh H là có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông T, cần áp dụng Điều 430, Điều 436, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc ông Phan Văn Q, bà Nguyễn Thị T và anh Phan Trọng H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền vay gốc 52.220.000 đồng và 1.050 kg cà phê nhân khô, theo phần của ông Q, bà T và anh H mỗi người là 17.406.666 đồng và 350 kg cà phê nhân khô, loại Robusta, độ ẩm 15%, tạp chất 1.5% là phù hợp.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Giá cà phê tính án phí các đương sự thỏa thuận 32.000 đồng/kg phù hợp với giá thị trường ngày 23-10-2020. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Q, bà T và anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430, Điều 436, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T. Buộc ông Phan Văn Q, bà Nguyễn Thị T và anh Phan Trọng H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền vay gốc 52.220.000 đồng (*Năm mươi hai triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*) và 1.050 kg cà phê nhân khô, theo phần của ông Q, bà T và anh H mỗi người là 17.406.666 đồng và 350 kg cà phê nhân khô, loại Robusta, độ ẩm 15%, tạp chất 1.5% .

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Buộc ông Phan Văn Q, bà Nguyễn Thị T và anh Phan Trọng H cùng có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sư sơ thẩm là 4.291.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm chín mươi mốt nghìn đồng*).

Hoàn trả ông Nguyễn Thanh T số tiền tạm ứng án phí 2.866.000 đồng (*Hai triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0001493 ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Di Linh;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục thi hành án huyện Di Linh;
- Lưu hồ sơ; Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Huỳnh Thị Mỹ Lệ